

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2013/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Phối hợp về hướng dẫn, xử lý thủ tục
đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2009/TTLT-BXD-BKH ngày 27 tháng 8 năm 2009 của Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết một số điểm tại Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 134/TTr-SKH ngày 03 tháng 7 năm 2013, đề xuất của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch tại Công văn số 104/TTXT-XTĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Phối hợp về hướng dẫn, xử lý thủ tục đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư tỉnh Bạc Liêu.


Điều 2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch, các cơ quan chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này; đồng thời phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, doanh nghiệp được biết và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2010 và Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến nội dung đăng ký và chứng nhận đầu tư./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy - HĐND tỉnh (thay b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB QPPL;
- Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT (Vi-019).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 




Lê Minh Chiến

QUY CHẾ

Phối hợp về hướng dẫn, xử lý thủ tục đầu tư
và cấp Giấy chứng nhận đầu tư tỉnh Bạc Liêu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2013/QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2013 UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Quy chế này quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính về thủ tục đầu tư, đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong đăng ký đầu tư; từng bước đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này bao gồm: Chấp thuận chủ trương đầu tư; đăng ký đầu tư, đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện đăng ký đầu tư ngoài Khu Công nghiệp theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước bao gồm: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giao thông Vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Cục Thuế tỉnh; Công an tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu; UBND các huyện, thành phố.

3. Đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch (Trung tâm XTĐTTM&DL).

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THỦ TỤC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 4. Trình tự, thủ tục xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

1. Tiếp nhận đơn xin đầu tư.

Nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư trên địa bàn tỉnh tìm hiểu thông tin về các danh mục mời gọi đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (www.baclieu.gov.vn) hoặc liên hệ với Trung tâm XTĐTTM&DL để được cung cấp thông tin về đầu tư. Sau khi chọn được dự án đầu tư từ các danh mục mời gọi đầu tư của tỉnh hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án khác, nhà đầu tư có đơn xin đầu tư và gửi về Trung tâm XTĐTTM&DL.

2. Xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư.

Việc xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư được thực hiện tương ứng với các trường hợp sau:

a) Trường hợp nhà đầu tư xác định đầu tư dự án theo Danh mục mời gọi đầu tư đã được phê duyệt của UBND tỉnh.

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trung tâm XTĐTTM&DL kiểm tra, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. UBND tỉnh có văn bản trả lời cho nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Trung tâm XTĐTTM&DL.

b) Trường hợp nhà đầu tư có ý định đầu tư, nhưng dự án chưa được UBND tỉnh phê duyệt danh mục thì Trung tâm XTĐTTM&DL làm đầu mối lấy ý kiến (bằng văn bản, hoặc tổ chức họp, hoặc khảo sát thực địa, hoặc kết hợp các hình thức trên) với các Sở, ngành, địa phương liên quan và nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 ngày làm việc (trường hợp cần phối hợp với các ngành chức năng tìm hiểu thông tin của nhà đầu tư ngoài tỉnh thì thời gian chậm nhất là 15 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Nếu dự án phù hợp với quy hoạch (quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kể cả việc phải đề xuất điều chỉnh bổ sung, thoả thuận quy hoạch...) Trung tâm XTĐTTM&DL sẽ tổng hợp ý kiến đóng góp từ các Sở, ngành, địa phương và trình UBND tỉnh xem xét ra văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nếu dự án chưa phù hợp với quy hoạch Trung tâm XTĐTTM&DL sẽ tổng hợp ý kiến đóng góp từ các Sở, ngành, địa phương báo cáo UBND tỉnh có văn bản trả lời cho nhà đầu tư.

Thời gian các Sở, ngành đóng góp ý kiến là không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Trung tâm XTĐTTM&DL. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến đóng góp của các sở, ngành, Trung tâm XTĐTTM&DL tổng hợp và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. UBND tỉnh có văn bản trả lời cho nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Trung tâm XTĐTTM&DL.

c) Trường hợp có nhiều nhà đầu tư cùng xin đầu tư dự án quan trọng được xác định trong quy hoạch ngành.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trung tâm XTĐTTM&DL kiểm tra, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho chủ trương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. UBND tỉnh có

văn bản trả lời cho nhà đầu tư trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Trung tâm XTĐTTM&DL.

Điều 5. Nhiệm vụ thực hiện sau khi có văn bản của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

1. Khi nhận được văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở ngành có liên quan xem xét, hướng dẫn lập thủ tục giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư để tiến hành lập dự án và thực hiện dự án đầu tư.

2. Tùy theo lĩnh vực đầu tư và thực trạng, vị trí khu đất dự kiến giao nhà đầu tư, các sở ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố lập đầy đủ hồ sơ giao đất, cho thuê đất theo đúng trình tự và quy định hiện hành của pháp luật.

Thời gian thực hiện phải phù hợp với thời gian các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố đã niêm yết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (*bộ phận "một cửa"*) của đơn vị.

Điều 6. Đối với các dự án do thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Trung tâm XTĐTTM&DL chuyển hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, lấy ý kiến các Bộ ngành Trung ương và các cơ quan chức năng khác có liên quan để tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (*thời gian tiếp nhận đơn và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư là không quá 05 ngày làm việc*).

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 7. Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư

1. Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ đăng ký đầu tư, đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (*hoặc thông qua Trung tâm XTĐTTM&DL nộp thay khi có yêu cầu*). Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và ra phiếu hẹn trả kết quả (*nếu hồ sơ đủ thành phần và số lượng theo quy định*), hoặc hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh.

2. Sau khi gửi các cơ quan chức năng lấy ý kiến thẩm tra, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

3. UBND tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư và gửi bản chính Giấy chứng nhận đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để trao cho nhà đầu tư, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư đến Trung tâm XTĐTTM&DL và các Bộ, ngành có liên quan để theo dõi.

Việc đăng ký thuế, đăng ký mẫu dấu và khắc dấu cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông; quy chế phối hợp giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh hợp tác xã, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu.

Điều 8. Chứng nhận đầu tư

1. Dự án đầu tư trong nước không phải đăng ký đầu tư

a) Nhà đầu tư không phải đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

b) Nhà đầu tư trong trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này có nhu cầu được xác nhận ưu đãi đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì thực hiện đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước

a) Nhà đầu tư trong nước phải đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc các trường hợp sau:

- Dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư;

- Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định 108/2006/NĐ-CP.

b) Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm: Bản đăng ký dự án đầu tư (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-11, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

c) Nhà đầu tư nộp hồ sơ và nhận phiếu hẹn trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và trao Giấy biên nhận đăng ký đầu tư (trong ngày) cho nhà đầu tư.

đ) Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư, thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư theo quy trình quy định tại Khoản 7 Điều này, với thành phần hồ sơ gồm 02 Bản đăng ký dự án đầu tư (theo mẫu quy định từng trường hợp tại các Phụ lục I-1, I-2, I-3 Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

3. Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

a) Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu quy định từng trường hợp tại các Phụ lục I-1, I-2, I-3 Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm*).

b) Đối với trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, ngoài hồ sơ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, nhà đầu tư phải nộp kèm theo:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

c) Số lượng hồ sơ: 03 bộ hồ sơ (*trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc*).

4. Thẩm tra đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Hồ sơ thẩm tra đầu tư gồm:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (*theo mẫu quy định từng trường hợp tại các Phụ lục 1-1, 1-2, 1-3 Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam*);

- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân;

- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm*);

- Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng, hợp tác kinh doanh;

b) Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đầu tư đồng thời với thủ tục đăng ký kinh doanh, ngoài hồ sơ quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này, nhà đầu tư phải nộp kèm theo:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

c) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (*trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc*).

d) Nội dung thẩm tra:

- Sự phù hợp với: Quy hoạch kết cấu hạ tầng - kỹ thuật; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác

Đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có trong quy hoạch nêu trên, UBND tỉnh lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch;

- Nhu cầu sử dụng đất: Diện tích đất, loại đất và tiến độ sử dụng đất;

- Tiến độ thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án;

- Giải pháp về môi trường: Đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường và giải pháp xử lý phù hợp với quy định của pháp luật về môi trường.

5. Thẩm tra đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Hồ sơ thẩm tra đầu tư gồm:

- Hồ sơ quy định tại các Điểm a và b, Khoản 3, Điều này;

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

c) Nội dung thẩm tra:

- Thẩm tra khả năng đáp ứng điều kiện quy định tại Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

Các Sở, ngành chức năng liên quan lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan đến nội dung đầu tư của dự án trước khi ra văn bản thẩm tra khả năng đáp ứng các điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP;

Trường hợp các điều kiện đầu tư đã được pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định thì UBND tỉnh quyết định việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không phải lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ, ngành liên quan;

- Đối với dự án đầu tư trong nước, nếu dự án đã đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật thì UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy trình đăng ký đầu tư quy định tại Điều 43 Nghị định 108/2006/NĐ-CP.

6. Thẩm tra đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Hồ sơ thẩm tra đầu tư gồm:

- Hồ sơ quy định tại các Điểm a và b, Khoản 4, Điều này;

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

c) Nội dung thẩm tra: Theo quy định tại Điểm d, Khoản 4 và Điểm c, Khoản 5, Điều này.

7. Quy trình thực hiện cấp giấy chứng nhận đầu tư (hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư) đối với dự án đầu tư trong nước, dự án đầu tư nước ngoài; Thẩm tra dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư

a) Cấp giấy chứng nhận đầu tư (hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư) đối với dự án đầu tư trong nước, dự án đầu tư nước ngoài:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ và nhận phiếu hẹn trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư (trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ).

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư (trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do).

- Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, UBND tỉnh sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ quản lý ngành có liên quan.

Tổng thời gian thực hiện quy trình này là: 10 ngày làm việc.

b) Thẩm tra dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ và nhận phiếu hẹn trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (hồ sơ dự án đầu tư gồm 08 bộ, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc).

- Trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của Sở, ngành liên quan; trường hợp cần thiết thì gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan (Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết, đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự án đầu tư).

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi đến, cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình (sau 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở kế hoạch và Đầu tư

chuyển đến, nếu các cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản góp ý thăm tra thì xem như đồng ý).

- Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các ý kiến thăm tra của các Sở, ngành được hỏi ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thăm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thăm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do).

- Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc sau khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, UBND tỉnh sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Tổng thời gian thực hiện quy trình này là: 23 ngày làm việc.

8. Quy trình thăm tra dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ và nhận phiếu hẹn trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (hồ sơ dự án đầu tư gồm 10 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ hồ sơ gốc).

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thăm tra của các Bộ, ngành Trung ương và các Sở, ngành địa phương có liên quan.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản để nhà đầu tư biết, đồng thời hướng dẫn nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến thăm tra và hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được hỏi có ý kiến thăm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

d) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận ý kiến thăm tra của các Bộ, ngành Trung ương và các Sở, ngành địa phương có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh lập báo cáo thăm tra, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về chủ trương đầu tư.

đ) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

e) Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, UBND tỉnh gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

g) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, UBND tỉnh sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Tổng thời gian thực hiện quy trình này là: 28 ngày làm việc (không tính thời gian chờ Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương).

9. Đăng ký/ Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở của nhà đầu tư trong nước

a) Trường hợp đăng ký đầu tư:

Nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu nhà ở không phân biệt quy mô vốn đầu tư, thủ tục đăng ký đầu tư gồm:

- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu quy định từng trường hợp tại các Phụ lục I-1, I-2, I-3 Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

- Quyết định cho phép đầu tư và Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của cấp có thẩm quyền (nội dung này nhà đầu tư thực hiện theo quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và cho phép đầu tư theo quy định tại: Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006 của Chính phủ về việc ban hành quy chế khu đô thị mới; và Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - Trung tâm XTĐTTM&DL hỗ trợ nhà đầu tư lập các thủ tục trình Sở Xây dựng và UBND tỉnh quyết định cho phép đầu tư).

Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy biên nhận đăng ký đầu tư ngay sau khi nhận được Hồ sơ đăng ký đầu tư từ nhà đầu tư.

b) Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thủ tục gồm:

- Bản đăng ký/ Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu);

- Quyết định cho phép đầu tư và Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của cấp có thẩm quyền.

c) Số lượng hồ sơ: 03 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào nội dung đăng ký đầu tư trong thời gian 07 ngày làm việc trình UBND tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận và đầu tư, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Tổng thời gian thực hiện quy trình này là: 10 ngày làm việc.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XỬ LÝ THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 9. Các nguyên tắc phối hợp xử lý thủ tục đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì lấy ý kiến. Nếu quá thời hạn yêu cầu mà cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản trả lời thì xem như đồng thuận theo ý kiến của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn của mình quản lý hoặc địa bàn do mình phụ trách. Mọi vấn đề phát sinh về sau không thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ trì lấy ý kiến. Do đó, nhà đầu tư chỉ liên hệ với cơ quan đầu mối tiếp nhận, thụ lý hồ sơ (*Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm XTĐTTM&DL*) để được giải quyết theo trình tự và thủ tục về thời gian quy định.

2. Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính song song trong cùng một thời gian với nhau và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của nội dung hồ sơ, dự án do mình lập và nộp tại các cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc phối hợp xử lý thủ tục đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư và tổ chức theo dõi, đánh giá hoạt động đầu tư

1. Trung tâm XTĐTTM&DL: Là cơ quan đầu mối trong việc tiếp nhận đơn xin đầu tư, hướng dẫn trình tự các thủ tục hành chính về thủ tục đầu tư. Theo dõi và giải quyết những nội dung có liên quan do các Sở, ngành khác chuyển đến. Tổng hợp đầy đủ hồ sơ theo quy định trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành liên quan, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh phương án đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và chủ trì lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư (*đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư*).

- Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ dự án, trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư; đồng thời tổ chức theo dõi, đánh giá hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư (*kể cả việc đề xuất thu hồi chủ trương, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư*).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì và phối hợp các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố có liên quan đề rà soát quy hoạch sử dụng đất và đề xuất địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư (*trường hợp nhà đầu tư chưa xác định địa điểm đầu tư*).

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc trường hợp lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình UBND tỉnh xét duyệt theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*đối với phương án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh*) và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

- Tham mưu đề xuất UBND tỉnh ra thông báo thu hồi đất, hoặc uỷ quyền cho UBND các huyện, thành phố ra thông báo thu hồi đất.

- Kiểm tra hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... theo quy định; đồng thời phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố bàn giao đất ngoài thực địa cho nhà đầu tư.

4. Sở Tài chính: Tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan đến giá đất (cho thuê, giao đất) và trình UBND tỉnh phê duyệt giá tiền sử dụng đất (đối với trường hợp giao đất), tiền thuê đất (đối với trường hợp cho thuê đất).

5. Sở Xây dựng:

- Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư, thiết kế cơ sở đối với các dự án: Đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cấp Giấy phép xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư, thiết kế cơ sở đối với các dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các dự án công nghiệp chuyên ngành khác (trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng); các dự án đầu tư phát triển thương mại, như: Trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống chợ, hệ thống cửa hàng xăng dầu, hệ thống kho dự trữ hàng hoá và các dự án chuyên ngành về thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình: Thủy lợi, đê điều và các công trình nông nghiệp chuyên ngành khác.

8. Công an tỉnh: Phối hợp tìm hiểu, nắm thông tin về tư cách pháp nhân và các thông tin khác có liên quan phục vụ việc đánh giá khả năng, năng lực của nhà đầu tư - theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, nhất là đối với các dự án quan trọng, trọng điểm.

9. Các Sở, ngành khác và UBND các huyện, thành phố:

- Phối hợp với cơ quan chủ trì (tùy lĩnh vực được phân công), xem xét và chịu trách nhiệm những nội dung được xin ý kiến, hoặc thuộc trách nhiệm quản lý của ngành mình.

- Tuân thủ đúng quy trình phối hợp của Quy chế này, đảm bảo chất lượng công việc và thời gian giải quyết, chịu trách nhiệm kết quả giải quyết.

- Đặc biệt đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, điều kiện thuộc phạm vi quản lý của Sở, ngành nào thì do Sở, ngành đó xem xét, đề xuất và chịu trách nhiệm. Những lĩnh vực phải cấp phép, hoặc các loại văn bản chấp thuận thuộc thẩm quyền, thì việc giải quyết phải theo quy trình một cửa đã được niêm yết công khai tại từng Sở, ngành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này, đồng thời tổ chức phổ biến, triển khai đến các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân các nhà đầu tư để thực hiện.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; các công dân, tổ chức phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cùng Trung tâm XT ĐTTM&DL và các Sở, ngành, huyện, thành phố có liên quan) để kịp thời chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
HÓ CHỦ TỊCH *Đ*



Lê Minh Chiến